

PHẦN I: TỔNG QUAN VỀ DOANH NGHIỆP

I. Khái niệm về thương nhân

1. Theo cách hiểu của 1 số nước

- Theo BLTM Pháp 1807 L121-1: những người kí hợp đồng thương mại, thực hiện các hoạt động TM, coi việc kí kết, thực hiện các hợp đồng TM là ngành nghiệp thường xuyên của mình.
- UCC Mỹ 1952 Đ2 – 104: là những người hoạt động kinh doanh lâu dài như nghề nghiệp của mình và có những kĩ năng đặc biệt.

2. Theo luật VN

- Luật TM 2005, Đ6: Thương nhân bao gồm những tổ chức kinh tế được thành lập hợp pháp, cá nhân hoạt động thương mại một cách độc lập, thường xuyên và có đăng kí kinh doanh.
- Có 7 hệ thống luật:
 - Ấn Độ
 - Châu Âu lục địa (common law): Đại diện là Pháp
 - Anh - Mỹ (civil law): Đại diện là Mỹ. Singapore theo civil law.
 - Trung Quốc
 - Đạo hồi
 - Châu Phi
 - XHCN

3. Lưu ý:

- Giám đốc là doanh nhân chứ không phải là thương nhân vì ông không nhân danh bản thân mình tham gia quan hệ pháp luật mà chỉ đại diện cho DN tham gia quan hệ pháp luật.
- **VD: Bác sĩ, luật sư, kiểm toán có là thương nhân không?**
 - Luật sư, bác sĩ không là thương nhân vì họ làm nghề tự do.
 - Trưởng phòng kinh doanh không là thương nhân mà chỉ là người đại diện.
 - Cửa hàng phở là thương nhân? Chủ cửa hàng tham gia hoạt động kinh doanh.

4. Điều kiện để trở thành thương nhân

4.1. Điều kiện cần và lưu ý

a. Điều kiện cần

- Chủ thể
- Thực hiện hành vi TM: là hoạt động nhằm mục đích sinh lời gồm
 - Mua bán hàng hoá dịch vụ
 - Cung ứng dịch vụ
 - Đầu tư
 - Xúc tiến thương mại
 - Hối mục đích sinh lời khác

- Độc lập
- Thường xuyên

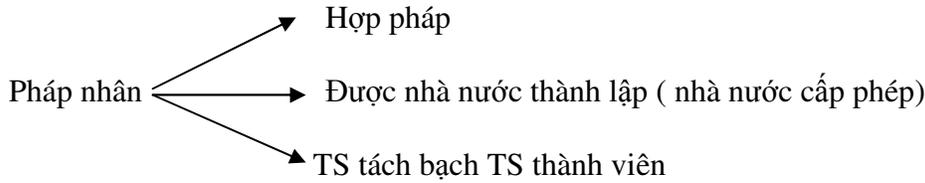
b. VD

- **VD1: Mọi cá nhân ko thể tham gia làm thương nhân?** Vì phải có năng lực pháp luật và năng lực hành vi.
- Năng lực hành vi: khả năng thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Nó phụ thuộc vào sức khoẻ, trí tuệ, tuổi ≥ 18 .
- **VD2: Tổ chức kinh tế sinh lời.**
- **VD3: Đăng viên**

c. Lưu ý

- Tổ chức kinh tế
 - Là pháp nhân
 - Không là pháp nhân

VD: Doanh nghiệp tư nhân, giám đốc, tổ chức khác..... không là pháp nhân.



Do đó, DN tư nhân ko là pháp nhân vì tài sản DN ko tách bạch TS cá nhân.

Là pháp nhân thì có lợi gì?

Nợ ai làm thì người đó chịu. Nợ thì đòi tổ chức, chứ không đòi cá nhân.

- Người đại diện hợp pháp
 - Theo luật
 - Theo uỷ quyền

Uỷ quyền bằng văn bản: giấy tờ (hình thức tương đương VB). Thừa nhận dữ liệu điện tử theo VB.

VD: chữ kí điện tử.

VD: Giám đốc ốm nên uỷ quyền cho trưởng phòng kinh doanh đi kí hợp đồng.

- Người được uỷ quyền
 - không được uỷ quyền cho người thứ ba bất kì.
 - chịu trách nhiệm với hành vi người được uỷ quyền trong phạm vi uỷ quyền

Yếu tố trên hợp đồng:

- Tên tổ chức
- Địa chỉ
- Tài khoản giao dịch
- Nơi giao dịch
- Đại diện theo luật
- Đại diện theo uỷ quyền (Uỷ quyền này phải hợp pháp)
- Số giấy uỷ quyền

4.2. Điều kiện đủ: Đăng kí kinh doanh

5. Quyền và nghĩa vụ của thương nhân

- Quyền của thương nhân: (Đ10 → Đ13 Luật TMVN 2005)
 - Bình đẳng trước pháp luật
 - Tự do tự nguyện thoả thuận
 - Áp dụng thói quen nếu giữa hai bên đã thiết lập thói quen thì thói quen đó mặc nhiên
 - được áp dụng trừ phi có quy định khác
 - Áp dụng tập quán: 1 thói quen được áp dụng rộng rãi ở một khu vực địa lý. (Không ép buộc đưa vào)

- Nghĩa vụ của thương nhân: (Đ14 - Luật TMVN 2005)
 - Đăng kí kinh doanh
 - Công khai hoá thông tin
 - Nộp thuế và các khoản lệ phí đầy đủ cho nhà nước

6. Hợp đồng của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam

- Điều 16/ Khoản 1 - Luật TMVN 2005: Thương nhân nước ngoài là thương nhân được thành lập, đăng kí kinh doanh theo quy định của luật nước ngoài hoặc được pháp luật nước ngoài công nhận:
 - Đặt VP đại diện tại Việt Nam
 - Mở chi nhánh tại Việt Nam
 - Thành lập tại Việt Nam doanh nghiệp
 } → chỉ chọn 1 trong 3 điều kiện

So sánh VP đại diện và chi nhánh

VPĐD	Chi nhánh
<ul style="list-style-type: none"> - Xúc tiến thương mại - Không kí hợp đồng thương mại. Kí hợp đồng khi được thương nhân nước ngoài uỷ quyền. - Được kí hợp đồng thuê lao động, thuê nhà. - TThương nhân nước ngoài chịu trách nhiệm. - Đơn vị phụ thuộc của thương nhân nước ngoài. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động TM trong phạm vi điều lệ lập chi nhánh. - Kí hợp đồng TM. - TThương nhân nước ngoài chịu trách nhiệm. - Đơn vị phụ thuộc của thương nhân nước ngoài.

VPĐD muốn lên chi nhánh thì phải lên thành DN. Nhưng đa số họ liên doanh để đối tác VN hỗ trợ cho họ.

VD: 1 công ty xuất ghe sang Nhật. Nhật yêu cầu ghe nguyên cả nguyên càn. VPĐD sai nói là ghe nguyên cả, bỏ càn. VN làm theo lời của VPĐD. VN đòi VPĐD, VPĐD đòi thương nhân Nhật.

II. Doanh nghiệp

1. Công ty TM ở các nước TBCN

1.1. Khái niệm công ty và công ty TM

- Công ty là sự liên kết của 2 hay nhiều cá nhân hoặc pháp nhân thông qua 1 sự kiện pháp lý nhằm tiến hành các hoạt động để đạt mục tiêu chung nào đó.
 - Sự liên kết
 - Sự kiện pháp lý: 2 hay nhiều bên kí hợp đồng để lập ra công ty hoặc thông qua kí vào điều lệ công ty. (công ty được thành lập dựa trên cơ sở điều lệ hoặc hợp đồng)
 - Mục đích: Thực hiện mục tiêu chung

→ Cty dân sự: mục đích không hướng tới mục đích sinh lời

1.2. Phân loại công ty TM

1.2.1. Xét về căn cứ chế độ trách nhiệm

```
graph LR; A[Xét về căn cứ chế độ trách nhiệm] --> B[Cty TNHH]; A --> C[Cty TN vô hạn];
```

- Cty TNHH: các thành viên chịu trách nhiệm với khoản nợ và nghĩa vụ TS trong giới hạn số vốn họ góp vào công ty. VD: A, B, C: 100tr. Trong đó, X: 1tỉ, Y: 500tr, Z: 2tỉ.

- Cty TNVH: thành viên chịu trách nhiệm với các khoản nợ hoặc nghĩa vụ TS bằng toàn bộ TS họ có.

1.2.2. Xét về mặt tổ chức

```
graph LR; A[Xét về mặt tổ chức] --> B[Cty đối nhân]; A --> C[Cty đối vốn]; A --> D[Cty vừa đối nhân vừa đối vốn];
```

a. Cty đối nhân:

- Quan tâm đến nhân thân của các thành viên (bằng cấp.....). Các thành viên quen biết nhau (gia đình, bạn bè....). Loại hình này ra đời đầu tiên.

- Đặc điểm

-
- ```
graph LR; A[Đặc điểm] --> B[Thành viên chịu trách nhiệm vô hạn và liên đới]; A --> C[Quy mô nhỏ]; A --> D[Không đầu tư ở lĩnh vực rủi ro cao];
```

#### b. Cty đối vốn:

- Ra đời sau công ty đối nhân. Nó quan tâm đến vốn của các thành viên.

- Đặc điểm của công ty đối vốn: ngược với công ty đối nhân:

- 
- ```
graph LR; A[Đặc điểm của công ty đối vốn] --> B[Thành viên chỉ chịu trách nhiệm với số vốn của mình]; A --> C[Quy mô lớn]; A --> D[Đầu tư ở lĩnh vực có rủi ro cao.]; A --> E[Đ/c khắt khe về mặt luật pháp nhiều hơn so với công ty đối nhân];
```

c. Cty vừa đối nhân vừa đối vốn

Cty có hai loại thành viên: có tiếng ko có tiền, có vốn mà không có tiếng.

1.2.3. Xét về mặt hình thức pháp lý

```
graph LR; A[Xét về mặt hình thức pháp lý] --> B[Cty hợp danh]; A --> C[Cty giao vốn]; A --> D[Cty cổ phần]; A --> E[Cty TNHH];
```

2. DN theo cách hiểu của pháp luật VN

2.1. Khái niệm

- Theo điều 4/ khoản 1 - Luật DN VN 2005:
 - Tổ chức kinh tế

- Thoả mãn cơ sở vật chất
 - trụ sở giao dịch ổn định
 - Tài sản
 - tên riêng

VD: Luật DNVN 2005 không chấp nhận trụ sở ảo (chỉ có website).

Phải có trụ sở giao dịch thực.

Lưu ý: ko được nói là DN có tài sản riêng vì ko đúng.

- Mục đích: hoạt động kinh doanh nhằm thu lợi nhuận.
Kinh doanh là gì? – Đ4/ khoản 2 - Luật DN VN 2005.

2.2. Phân loại

2.2.1. Đơn vị doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (Luật ĐTNN 1996-2000).

- Chỉ được tồn tại ở dạng công ty TNHH
- Từ công ty TNHH chỉ được phát triển lên thành công ty cổ phần
 - đơn xin được lập cty cổ phần kinh doanh có lãi trong 3 năm

2.2.2. DN nhà nước

- DN nhà nước có xu hướng cổ phần hoá vì:
 - DN nhà nước chịu đ/c của Luật DNVN 2003
 - 1/7/2010, các DNNN phải chuyển thành 1 trong các loại hình
 - Cty TNHH
 - Cty cổ phần

CHƯƠNG II: MỘT SỐ LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP ĐIỂN HÌNH TRÊN THẾ GIỚI

I. Công ty hợp danh (Partnership)

1. Khái niệm

- Ra đời vào thế kỉ 13 tại Pháp bởi những người có quen biết, có huyết thống với nhau.
- Danh: nhân thân uy tín
- Doanh: kinh doanh
- Liên danh: ko lập pháp nhân mới. Xong sự phân chia lợi nhuận thì các công ty lại không hợp tác với nhau nữa.

2. Đặc điểm

2.1. Thành viên

- Thành viên: → tv hợp danh → cty đối nhân
- Số lượng tv: ≥ 2
- Số lượng tv tối đa: phụ thuộc vào nước. VD: Anh: 20 người
- Tên cty, hãng: VD: cty A và các cộng sự.
- Các thành viên tham gia là các thương nhân (Luật Pháp). Tại Pháp, cty hợp danh là cty của thương nhân.

2.2. Cơ sở pháp lý

Cơ sở pháp lý là hợp đồng hợp danh

2.3. Chế độ trách nhiệm

- Vô hạn liên đới: (Pháp)
- Tv của partnership chịu trách nhiệm theo phần đối với trái vụ của công ty (chịu TNHH) và chịu trách nhiệm liên đới với các trái vụ liên quan đến hình sự vi phạm pháp luật (A – M).



VD: thuế , làm hàng giả.....

2.4. Tư cách pháp nhân

- Tại Pháp: Cty hợp danh có tư cách pháp nhân
- Tại A – M: ko có tư cách pháp nhân
- Tại Đức: ko có tư cách pháp nhân

2.5. Lĩnh vực Tư vấn luật pháp

2.6. Quyền hạn thành viên

- Mọi thành viên đều có quyền tổ chức và quản lý cty.
- Bất kì thành viên nào cũng có quyền đại diện cho công ty tham gia vào các giao dịch bên ngoài.
- Các thành viên được chia tỉ lệ lãi lỗ theo tỉ lệ góp vốn
- Các thành viên có nghĩa vụ trung thực và cấm cạnh tranh
- Các thành viên chỉ được tham gia vào 1 cty hợp danh (Luật CNXH)

- Có hai loại quyền



Quyền thực tế (actual authority)

Quyền hạn theo tập quán (apparent authority)

- Quyền thực tế: là quyền hai bên quy định với nhau khi tham gia vào hợp danh.
 - VD: A và B cùng nhau thành lập công ty hợp danh. Công ty hợp danh tư vấn luật. A: chịu trách nhiệm về luật dân sự. B: chịu trách nhiệm về luật hình sự. Khách đến chỉ gặp A chứ không gặp B. Khách muốn phân hình sự. Thiệt hại xảy ra khi B tư vấn dân sự. Do đó, công ty phải chịu trách nhiệm. B không có quyền thực tế.
- Quyền hạn theo tập quán: là quyền không có trong thoả thuận như phải gắn với hoạt động kinh doanh và phù hợp với tập quán.
 - VD1: Quyền mà phù hợp với hoạt động kinh doanh → A có thể tư vấn phân hình sự.
 - VD2: A không có quyền tư vấn xây dựng, thiết kế vì A không có 2 quyền : thực tế và tập quán về mảng đó.
 - VD3: A tự ý vay với lãi 30%. Cty bị lỗ. Trách nhiệm thuộc về A hay B? A vay để đầu tư bất động sản. Đây ko là quyền hạn theo tập quán vì chỉ vay với lãi 12% và A kí 305 là không hợp tập quán. Đây không là quyền hạn thực tế.
 - VD4: A và B cùng điều hành 1 hãng xây dựng. A không qua B. A mua 2 lô đất. Sau đó, đất giảm giá. A hay cả A và B chịu trách nhiệm? Hợp danh này không thuộc lĩnh vực xây dựng. A nhảy sang bất động sản. Bất động sản không thuộc lĩnh vực kinh doanh của công ty. Lĩnh vực này không thuộc quyền hạn tập quán

quyền hạn thực tế

II. Công ty giao vốn (Limited liability partnership)

1. Công ty giao vốn khác phục được nhược điểm của công ty hợp danh.

- Tại Anh, loại hình này không phổ biến
- Tại Mỹ, Pháp, loại hình này phổ biến.

2. Đặc điểm

2.1. Thành viên

- Số lượng: ≥ 2 $\left\{ \begin{array}{l} \geq 1 \text{ thành viên hợp danh} \\ \geq 1 \text{ thành viên góp vốn} \end{array} \right.$

→ Công ty vừa đối danh vừa đối vốn. Ai có tiền sẽ chịu TNHH, ai có danh sẽ chịu TNVH.

- Theo Pháp, có 2 loại công ty giao vốn:

- Cty giao vốn giản đơn: $\left\{ \begin{array}{l} \geq 1 \text{ thành viên hợp danh} \\ \geq 1 \text{ thành viên góp vốn} \end{array} \right.$
- Cty giao vốn cổ phần: $\left\{ \begin{array}{l} \geq 1 \text{ thành viên hợp danh} \\ \geq 3 \text{ thành viên góp vốn} \end{array} \right.$

2.2. Chế độ trách nhiệm

- Quyền hạn của thành viên hợp danh: quyền hạn của thành viên hợp danh trong công ty giao vốn giống quyền hạn của thành viên hợp danh trong công ty hợp danh.
- Thành viên đối nhân là thành viên quản lý.

Quyền hạn của thành viên góp vốn:

- Hưởng lãi lỗ như tỉ lệ vốn góp
- Ko được kí hợp đồng
- 7

VD: Ở công ty giao vốn có 2 thành viên hợp danh: A và B. A: 4000, B: 5000. Tiếng ai to hơn?

Trả lời: A và B có quyền ngang nhau trong việc ra quyết định trong công ty vì họ chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của họ, chứ không giới hạn trong 4000 hay 5000 USD.

2.3. Tư cách pháp nhân

- Pháp: cty giao vốn có tư cách pháp nhân
- TBCN, Châu Âu lục địa, Thụy Sĩ, Mỹ, Anh: cty giao vốn không có tư cách pháp nhân.

2.4. Chế độ trách nhiệm

- Thành viên hợp danh: chịu trách nhiệm vô hạn và liên đới.
- Thành viên góp vốn: chịu trách nhiệm hữu hạn trong tỉ lệ góp vốn

2.5. Cơ sở ra đời

- Điều lệ
- Hợp đồng
- Sự thay đổi cơ cấu công ty

VD:

- Vì sao ở công ty hợp danh, giao vốn ta ko đề cập tới cơ cấu?
- Tư cách pháp nhân là gì? Hậu quả?
- 1 thành viên hợp danh chết. Cty giải thể? Đúng hay sai?

BÀI TẬP MẪU:

Bài 1: Một công ty hợp danh xd A và B đầu tư kinh doanh bất động sản. Hợp danh này vay tiền ngân hàng với lãi suất 12%. Trong 1 dự án X, ngân hàng mà hợp danh thường có giao dịch từ chối cho vay → hợp danh phải đi vay từ ngân hàng khác. Ko hỏi ý kiến A, B vay ngân hàng khác với lãi suất 30%. Dự án X là dự án đầu tư bất động sản. Nếu B không giả được tiền → ngân hàng có thể đòi ai?

Trả lời:

- Thẩm quyền thực tế là:.....
B không hỏi A → B không có quyền thực tế.
- Quyền hạn theo tập quán là:.....
 - Kinh doanh đầu tư bất động sản thuộc quyền hạn tập quán
 - Giao dịch: 30% lãi suất không thuộc quyền hạn tập quán vì hợp danh này chỉ đi vay với lãi 12%. → B không có quyền hạn tập quán.
- Kết luận:

Giao dịch vay tiền ở ngân hàng không có ràng buộc hợp danh A&B, không ràng buộc A → B phải chịu trách nhiệm với khoản nợ ngân hàng. → B chịu trách nhiệm với tư cách cá nhân.

Bài 2: A và B cùng lập một hãng xây dựng. Không bàn với B, A đầu tư vào lĩnh vực kinh doanh bất động sản. A mua 2 lô đất từ C. Giá đất giảm đột ngột. Hợp danh A&B ko đủ tiền chi trả. Vậy B có chịu trách nhiệm liên đới với A trong vụ này không?

Trả lời:

- Thẩm quyền thực tế là:.....
A không hỏi B → A không có quyền thực tế.

- Quyền hạn theo tập quán là:.....

Kinh doanh bất động sản không thuộc quyền hạn tập quán. Mua đất không thuộc lĩnh vực kinh doanh của hợp danh. (Vì A và B điều hành hãng xây dựng).

→ A không có quyền hạn tập quán.

→ B không phải chịu trách nhiệm với.....

III. Công ty cổ phần

1. DN: là công ty đối vốn

2. Phân biệt cổ đông, cổ tức, cổ phiếu, cổ phần

- Cổ đông: thành viên của công ty
- Cổ phiếu: hình thái vật chất của cổ phần
- Cổ tức: lợi nhuận thu được trên 1 cổ phiếu/ cổ phần. Cổ tức phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh.
- Cổ phần: 2 loại
 - Phổ thông
 - Ưu đãi: VD: Cổ đông của cổ phần ưu đãi có quyền hạn hơn cổ đông phổ thông như quyền có cổ phần ưu đãi cổ tức.

Cổ đông có hai quyền



vật chất : hưởng cổ tức
tinh thần: quyền được biểu quyết

3. Tổ chức

- Cơ quan quyền lực cao nhất: đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị: Đại hội đồng cổ đông cử ra để thay mình để thực thi các nghị quyết. Hội đồng quản trị bầu ra ban giám đốc thực hiện công việc kinh doanh hàng ngày.
- Đại hội đồng cổ đông có ban kiểm soát để giám sát hội đồng quản trị và hội đồng quản trị để bảo vệ quyền lợi của cổ đông và công ty.

Sơ đồ cơ cấu tổ chức:



IV. Công ty TNHH

1. DN

2. Thành viên

- Số lượng: 1 → 50
- Các thành viên góp vốn và chịu trách nhiệm trong phạm vi số vốn góp

- Cty không được phát hành chứng khoán, cổ phần.
- Việc chuyển nhượng vốn giữa các thành viên là do luật định hoặc điều lệ công ty quy định (ở các nước thì luật này khác nhau).
- Giấy chứng nhận góp vốn.

So sánh công ty cổ phần và công ty TNHH:

Mục	Công ty cổ phần	Công ty TNHH
Giống	Là công ty đối vốn Thành viên chịu trách nhiệm hữu hạn	
Khác	<ul style="list-style-type: none"> - Có quyền phát hành chứng khoán - Không hạn chế số lượng thành viên <ul style="list-style-type: none"> • ≥ 3 thành viên (VN) • ≥ 7 thành viên (Pháp, Đức) - Chuyển nhượng vốn tự do - Mô hình tổ chức phải theo luật pháp - Chế độ báo cáo tài chính chịu sự quy định chặt chẽ của pháp luật để bảo vệ lợi ích của xã hội. 	<ul style="list-style-type: none"> Không có quyền phát hành chứng khoán 1- 50 thành viên Chuyển nhượng vốn giữa thành viên bị hạn chế. MH tổ chức linh hoạt hơn. Chế độ báo cáo TC không chịu sự giám sát chặt chẽ của pháp luật.

PHẦN II: NỘI DUNG MÔN HỌC

CHƯƠNG I: TỔNG QUAN VỀ DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

I. Doanh nghiệp là gì?

1. DN: Điều 4/ khoản 1

2. Điều kiện để trở thành doanh nghiệp

- Tổ chức kinh tế

VD: Dùng tên 1 thành viên mà đại diện kí hợp đồng? → Nghĩa là DN có tên riêng ko trùng tên của thành viên và của doanh nghiệp khác.

- Tài sản
 - Vì sao không là tài sản riêng
 - Vì ko có sự phân biệt cá nhân và tài sản hợp danh
- Trụ sở giao dịch ổn định
 - Ko được phép có trụ sở giao dịch ảo, trụ sở điện tử.
 - Đ35:
 - Chứng minh: Giấy xác nhận địa điểm của uỷ ban, hợp đồng thuê nhà
- Thực hiện hợp đồng kinh doanh: Đk cần:

VD: Lập công ty chuyên phân phối. → Được đăng kí mọi ngành kinh doanh.

↓
thuộc kinh doanh

II. Phân loại

- Theo tiêu chí chủ sở hữu:
 - DN nhà nước: Đ4/ k22
 - DN ngoài quốc doanh
- Theo yếu tố nước ngoài:
 - DN trong nước
 - DN có vốn đầu tư nước ngoài

Theo luật DN VN

- Cty TNHH
- Cty CP
- Cty kinh doanh
- DN tư nhân

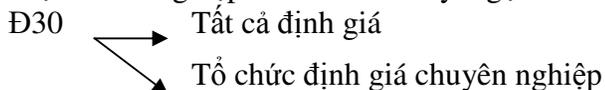
VD: Vậy doanh nghiệp khác công ty ở đâu? DN > cty. Công ty là doanh nghiệp. Nhưng không chắc DN đã là công ty. (VD: DN tư nhân).

III. Tài sản góp vốn (Đ4/ k4; k5)

- Ngoại tệ tự do chuyển đổi: ngoại tệ mạnh (có ở danh mục của ngân hàng)
- Vốn pháp định ≤ vốn điều lệ
- Vốn pháp định vì sao phải đặt ra?
 - Để bảo vệ chủ nợ vì nếu xảy ra tình trạng” tay ko bắt giặc”
 - Vốn pháp định gây khó khăn cho DN → Vốn pháp định chỉ yêu cầu ở 1 số loại hình doanh nghiệp (luật DN 2005)

IV. Định giá vốn góp (Đ30)

- Ai định giá? Sáng lập viên.



- Đ30: Quy tắc: nhất trí:
 - Nếu định giá thấp hơn so với giá trị thực tế thì số chênh lệch có lợi cho chủ nợ. Vì sao? Vì nếu nợ, vốn ta định giá sẽ cao hơn. → Ta được đảm bảo TS có giá trị cao hơn.
 - Nếu định giá TS lớn hơn giá trị thực tế thì
 - ↙ người góp vốn lợi
 - ↘ chủ nợ thiệt
- Đ30/ k2: Cổ đông chịu trách nhiệm đối với..... 1 cổ đông không chịu được thì các cổ đông khác cũng phải chịu .
- Đ30/ k3:
 - { Nếu do.....
 - { Người đại diện theo law (vì cũng kí hợp đồng chọn người định giá non kém nghiệp vụ)

- Tùy loại hình cty, DN.

V. **Vốn**



1. **Đ39:**

- Vốn được góp khi nào? Khi như cam kết
- Nếu không đăng kí góp vốn
- Nộp vốn muộn thì phải trả lãi chậm
- Với đk gì thì thành viên góp vốn muộn chịu trách nhiệm?
 - Người đại diện phải thông báo cho cơ quan đăng kí kinh doanh về việc có thành viên góp vốn muộn.
 - Nếu người đại diện ko báo thì thiệt hại do người đại diện chịu trách nhiệm.

2. **Đ60: Tăng giảm vốn điều lệ:**

- Đ62/ khoản b: Điều chỉnh tăng vốn điều lệ tương ứng với giá trị tài sản tăng lên của công ty.
 VD: TS của công ty là lô đất. Lô đất tăng giá → công ty phải đăng kí với cơ quan đăng kí kinh doanh là đất của mình tăng giá.

3. **Bằng chứng góp vốn: Đ39**

- Cty TNHH ko phát hành cổ phiếu nhưng được phát hành trái phiếu để huy động vốn.
- Bằng chứng góp vốn là giấy chứng nhận phần góp vốn. Giấy này không mua bán được mà chỉ chuyển nhượng được vốn góp.

4. **Đ44: Chuyển nhượng vốn góp:**

- VD: A: 10tr ; B: 20tr; C: 30tr. Tổng là 60tr.**
- C mà rút ra khỏi công ty thì C chào bán cổ phần vốn cho A và B theo tỉ lệ góp vốn: A: 10tr; B chỉ mua 10tr.
 - Và 10tr còn lại thì C rao tiếp. Còn lại 10tr thì B mua nốt.

5. Đ45: Xử lý phần vốn góp:

- Nếu 1 công ty có thành viên chết mà không có người thừa kế thì cho nhà nước thừa kế. Nhà nước lại là thành viên của công ty TNHH. Cty chuyển nhượng vốn cho nhà nước. Lúc đó, công ty tăng vốn hoặc giảm vốn.

6. Đ61: Phân chia lợi nhuận:

Lưu ý: Không được chia hết lợi nhuận mà phải để lại 1 phần. Nếu trót chia hết lợi nhuận thì các thành viên còn lại mà còn tiền thì chịu trách nhiệm.

VD: A, B hết thì C còn tiền phải chịu. Vì 3 người có chịu trách nhiệm liên đới.

7. Điều 38:

- 1.a. Thành viên: 1 → 50.
 - b. Thành viên chịu trách nhiệm liên đới vô hạn
2. Cty TNHH là pháp nhân.

BÀI TẬP

Bài 1: Dương, Thành, Trung, Hải lập công ty TNHH Thái Bình Dương 2006 với vốn điều lệ là 5 tỉ.

- Dương góp 800tr bằng tiền mặt
- Thành góp vốn bằng giấy nhận nợ với giá trị 1,3 tỉ đồng được các bên nhất trí định giá 1,2 tỉ.
- Trung góp vốn bằng nhà của mình, được các thành viên thoả thuận định giá thị trường là 700tr.
- Hải góp 1,5 tỉ bằng tiền mặt nhưng mới nộp 500tr đồng 1 tỉ còn lại các bên thoả thuận khi nào cần thì công ty góp.

Sau 1 năm hoạt động cty có lãi ròng 800tr nhưng các thành viên không thống nhất về thể thức chia vì Hải chưa góp đủ vốn, giấy nhận nợ không phải tài sản góp vốn hợp pháp. Phần góp vốn của Trung cao hơn giá trị thực tế.

Anh chị hãy giải quyết tranh chấp trên.

Trả lời:

- Giấy nhận nợ là giấy quyền. VD: Thay vì đi đòi nợ, Thành chuyển quyền đòi nợ cho cty. Thành dùng TS mình cho người khác vay làm vốn.
- Theo luật DS, TS khác bao gồm cả quyền, giấy sở hữu.....
- Thành góp quyền.
- Các thành viên nhất trí.
- 1,3-1,2= 100 tr là CP đi đòi nợ.
- Trung góp vốn bằng nhà
- Đ30/ k2: các thành viên chịu trách nhiệm bằng số chênh lệch..... → 4 người sẽ liên đới bù 800 tr.
- Hải chưa nộp 1 tỉ:
 - Đ39/ k2:
 - Hải hưởng lợi nhuận theo tỉ lệ 1,5 tỉ nếu người đại diện theo pháp luật thông báo cho cơ quan đăng kí là Hải
 - Nộp muộn
 - Góp vốn hợp pháp

Bài 2: V, H, T góp vốn thành lập cty TNHH 2006.

- V góp 1 tỉ bằng tiền mặt
- H góp 3 tỉ $\begin{matrix} \longrightarrow & 1 \text{ tỉ bằng tiền mặt} \\ \searrow & 2 \text{ tỉ bằng giá trị nhà xưởng} \end{matrix}$
- Thu góp 1 tỉ bằng tiền mặt
- V là giám đốc
- H là đại diện theo law.

Sau khi công ty được cấp giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh, H nhượng 1 tỉ bằng tiền mặt cho Liên. Vương kiện H ra toà vì ko thừa nhận vốn góp của H vì mặt bằng nhà xưởng mang tên H. H ko thừa nhận V vì V chỉ xuất trình tờ phiếu thu vốn góp của mình do V tự nộp, tự xác định với tư cách là giám đốc.

Anh chị hãy giải quyết tranh chấp trên.

Trả lời:

- Đ44: Việc chuyển nhượng cho L là sai vì H ko rao bán cho các thành viên. L ko phải là thành viên công ty.
- Đ29/ k1/ a: TS là giá trị quyền sử dụng đất thì người góp vốn làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho cty tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền → H chưa thực hiện góp vốn.
- Bằng chứng góp vốn: Đ39/ k4/ g: Họ và tên, chữ kí người đại diện theo pháp luật công ty → H là đại diện nên đó là việc của H nên V sai.

CHƯƠNG II: CÔNG TY CỔ PHẦN

I. Cty cổ phần: Đ78

- Phổ thông
- Ưu đãi: 4 loại:
 - Biểu quyết: Đ81
 - Cổ tức: Đ82
 - Hoàn lại: Đ83
 - Khác:
- CP ưu đãi biểu quyết chuyển sang CP phổ thông sau 3 năm. Sau đó, người sở hữu CP này mà muốn rút khỏi công ty thì anh ta chuyển nhượng lại cho người khác.

1. Điều 78:

- Để xác định mức ưu đãi cổ tức:
 - { Cổ định + thưởng
 - Tổng > phổ thông
 - Cổ định > phổ thông → không cần thưởng
 - Cổ định < phổ thông → cần có thưởng
- Mức thưởng do đại hội đồng cổ đông quyết định
- **Vì sao phải đưa ra là “cổ định” ?**
 - Nhà đầu tư nhìn xem tối thiểu họ lợi gì.
 - Ko có lợi nếu ta quy định mức cổ định. VD: = $2,5 \times \text{mức phổ thông}$.

↓

Nghe không hấp dẫn

↓

Ghi “cổ định” sẽ hay hơn

↓

Làm loãng quyền của cổ đông phổ thông

- Cổ đông ưu đãi quyền cổ tức có quyền vật chất, chỉ quan tâm đến lãi công ty.

2. Điều 83: CP ưu đãi hoàn lại:

- Cty hoàn lại vốn góp cho cổ đông sở hữu CP ưu đãi hoàn lại theo giá thị trường hoặc theo giá theo thoả thuận.
- Việc chuyển nhượng thì khó:
 - Với loại CP hoàn lại thì có sẵn người mua CP là công ty. → hấp dẫn nhà đầu tư vì họ rút vốn ra dễ dàng.
 - Cổ đông này mất 3 quyền : Đ83/ K3
- CP này mang lại lợi ích gì cho công ty?
 - Hạn chế được người bên ngoài vào công ty
 - Cty không là cổ đông của chính mình → chuyển ra CP quỹ hoặc hủy.
 - Quỹ: phát hành CP sau
 - Hủy: giảm vốn
- Phân biệt: ưu đãi hoàn lại và mua lại CP”

Ưu đãi hoàn lại	Mua lại CP
------------------------	-------------------

<ul style="list-style-type: none"> - Cty mua lại CP - Với TH: CP phổ thông 	<ul style="list-style-type: none"> - Khi nào? (Đ90, Đ91) - Giá? - Xử lý (Đ92) UĐHL + các loại CP phổ thông
--	--

- CĐ chưa trả hết CP thì có quyền yêu cầu cty mua lại ko? Ko
- Cty mua lại khi nào? Hạn chế hơn so với CP ưu đãi hoàn lại.
- CPPT chuyển thành ưu đãi: Ko
- CPUĐ chuyển thành CPPT: được quy định trong điều lệ.

II. Chào bán CP:

- Lần đầu, giá được dưới mệnh giá ko? Ko
- Luật chứng khoán 2006, quy định về cty đại chúng, cty CP nói chung. Cty CP nói chung là cty niêm yết ở dạng OTC.

III. Cổ tức: (Đ93)

- Hình thức thanh toán
- Phương thức thanh toán

IV. Cổ đông: (Đ79)

1. CĐ: Đ79

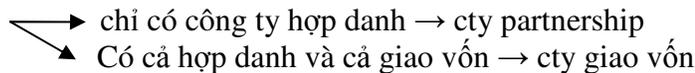
- Quyền vật chất
- Quyền tinh thần

2. CĐ nhỏ

- CĐ lớn cũg đc triệu tập họp nhưng số CPhiếu nắm giữ ≥ 6 tháng liên tục.
- CĐ nhỏ là gì? Là CĐ nắm giữ lượng CP nhỏ: 10%. Tổng số CP phổ thông trong thời hạn là 6 tháng hoặc 1 tỉ lệ khác < hơn so với quy định tại điều lệ công ty.

CHƯƠNG III: CÔNG TY HỢP DANH

I. DN:

- 2 TH:  chỉ có công ty hợp danh → cty partnership
 Có cả hợp danh và cả giao vốn → cty giao vốn

- TH: cty partnership:

- Số thành viên tối thiểu hợp danh: 2
- Số tv tối thiểu giao vốn: 0

- TH cty đối vốn:

- Số tv tối thiểu hợp danh: 2
- Số tv tối thiểu giao vốn: 1

II. Thành viên:

- Tv hợp danh

- Tv góp vốn

- Chế độ trách nhiệm
- Chế độ góp vốn (Đ131)
- Quyền và nghĩa vụ
- Hạn chế quyền và nghĩa vụ (Đ133)

- Vì sao tv hợp danh ko góp đủ vốn và đứng cam kết thì ko coi đó là nợ mà coi đó là thiệt hại?

- Vì theo Đ130/ b. Họ chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình
- Còn người góp vốn Đ130/ c: họ chỉ chịu trách nhiệm về phần tài sản nộp muợn của mình.

1. Đ134:

- Chia lợi nhuận theo tỉ lệ vốn góp
- Chia lỗ theo tỉ lệ vốn góp. Nếu khi 1 tv ko có khả năng trả đủ thì các thành viên còn lại trả hết.
- Nếu vốn ko trả đủ thì các thành viên bỏ tiền túi theo tỉ lệ vốn góp.

2. Đ139:

3. Đ133: Hạn chế quyền của thành viên hợp danh

- Khoản 1 vì:

- Khối tài sản có 1 nhưng lượng chủ nợ tăng
- Là thành viên của cty hợp danh khác nếu có sự nhất trí của các thành viên còn lại
- Ko đc làm chủ DN tư nhân vì ko có ai liên đới chịu trách nhiệm thay người đó

- Khoản 2 vì:

- Chính mình làm xung đột lợi ích của mình và các thành viên khác trong cty
- Hậu quả xảy ra thì các thành viên khác chịu trách nhiệm liên đới

- Khoản 3:

Cả 3 hạn chế đó có thể đc dỡ bỏ nếu các thành viên khác đồng ý.

4. Đ139:

- VD: Khoản nợ phát sinh trước thời điểm bạn A vào cty. Đến hạn trả nợ là sau khi A gia nhập. A có phải chịu trách nhiệm liên đới với các thành viên khác không?

- Khoản 3: A phải chịu trách nhiệm liên đới cùng họ
- Hoặc A sẽ thoát khỏi nghĩa vụ này ở khoản 3 nếu thoả thuận bằng hợp đồng hợp danh.

5. Đ138:

- Tv hợp danh chết có đc chuyển nhượng quyền sở hữu cho người khác ko?

Đc. Chuyển nhượng quyền sở hữu cho tv khác hoặc người thừa kế trở thành tv góp vốn.

CHƯƠNG IV: DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

I. Đ141:

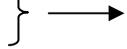
- VD: 1 tổ chức muốn lập ra 1 DN tự mình làm chủ thì làm ntn?

→ Cty TNHH 1 thành viên.

- FPT muốn lập ra cty hợp danh đc ko?

Đ130/ K1: tv hợp danh là cá nhân.

FPT là tổ chức



FPT ko thể thành lập cty hợp danh.

II. Tự quản lý:

III. Thuê người quản lý:

- VD: A cho B thuê doanh nghiệp. B buôn lậu. Cơ quan đăng kí kinh doanh rút giấy phép kinh doanh. Do đó, DN phải giải thể.

A vẫn phải chịu trách nhiệm là chủ SH. A mất tên DN.

- VD: Hôm nay bán DN. Lương chưa trả cho công nhân trong 3 tháng. Chủ cũ hay chủ mới sẽ trả lương cho công nhân sau khi bán.

Khoản 2/ Đ145: người mua, người bán, chủ nợ của DN. Người mua, người bán sẽ chuyển nghĩa vụ.

CHƯƠNG V: THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP

I. Ngành nghề kinh doanh:

- Ngành nghề bị cấm: kinh doanh các chất ma tuý.
- Ngành nghề kinh doanh có đk: ngành nghề DN tiến hành kd đáp ứng 1 số điều kiện nhất định gọi là đk kinh doanh như xăng dầu, thuốc dùng cho người....
- Ngành nghề hạn chế kd: kd vũ trường, karaoke.
- Ngành nghề tự do kd: NĐ 59/ 2006/ NĐ – CP
- **VD: Dịch vụ pháp lý là ngành nghề kd có đk:**
 - Hình thức duy nhất: cty hợp danh
 - Tv có chứng chỉ hành nghề tư vấn

II. Điều kiện kinh doanh: Đ5/ K2/ NĐ 139/ 2007

1. Giấy phép kinh doanh (có thể gọi là giấy phép hoạt động). Dùng trong ngành kinh doanh hạn chế
2. Giấy chứng nhận đủ đk kinh doanh
3. Giấy chứng chỉ hành nghề
4. Giấy chứng nhận bảo hiểm nghề nghiệp
5. Yêu cầu về vốn pháp định
6. Các yêu cầu khác

ngành kd có đk

VD: Yêu cầu về kiểm định

Môi trường
Thời gian mở cửa
Hình thức
.....

- **Cụ thể chứng chỉ hành nghề của cá nhân**
- **Giấy phép hành nghề của tổ chức**
- Ngành đòi hỏi giám đốc hoặc người đứng đầu DN kinh doanh ngành nghề KD phải có chứng chỉ hành nghề:
 - Kinh doanh di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.
 - Sản xuất gia công, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật, kinh doanh dịch vụ xông hơi, khử trùng, khám chữa bệnh tư nhân.
- Ngành đòi hỏi phải có chứng chỉ hành nghề của cả giám đốc lẫn người khác: kiểm toán, luật sư dưới hình thức cty hợp danh.
- Ngành nghề cần có chứng chỉ hành nghề của người khác, ko cần có của giám đốc phải có chứng chỉ hành nghề:

III. Cơ quan đăng kí kinh doanh:

- Ở cấp tỉnh, nhận hồ sơ đăng kí kinh doanh của DN. Cơ quan ĐKKD là phòng đăng kí kinh doanh thuộc sở kế hoạch đầu tư.
- Ở cấp huyện, nhận hồ sơ ĐKKD của hộ kd cá thể và cá nhân có ĐKKD:
 - Ở cấp huyện thành lập phòng đăng kí kd tại các quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh.
 - Trường hợp ko thành lập phòng đăng kí kinh doanh cấp huyện từ phòng tài chính, kế hoạch.

↓
thuộc UBND

IV. Đối tượng:

- Đối tượng thành lập: Đ13

- Đối tượng góp vốn
- Đối tượng quản lý

1. Điều 17/ Pháp lệnh cán bộ công chức/ 1998:

- Cán bộ công chức không được thành lập, tham gia thành lập hoặc tham gia quản lý, điều hành:
 - DN tư nhân
 - Cty TNHH
 - Cty CP
 - Hợp tác xã
 - Bệnh viện tư
 - Trường học tư
 - Tổ chức nghiên cứu khoa học tư.
- Cán bộ không được làm tư vấn cho các DN, tổ chức kd, dv và các tổ chức cá nhân khác ở trong nước và ngoài nước về các công việc có liên quan đến bí mật nhà nước, bí mật công tác, những công việc thuộc thẩm quyền giải quyết của mình và các công việc khác mà việc tư vấn đó có khả năng gây hại cho lợi ích quốc gia.

VD: DN phá sản ko đc thành lập, quản lý DN trong 1 – 3 năm vì:

- Ko còn TS
- Khôi phục năng lực tài chính trong 1 – 3 năm
- Hộ ko bị cấm góp vốn
- Khôi phục kĩ năng nghề nghiệp

- Đối tượng bị cấm quản lý và thành lập sau khi phá sản:

- TV hội đồng và ban quản trị
- Các tv hợp danh
- Ban GD....

VD: X đầu tư vào cty nào? X là trưởng phòng nhân sự của sở kế hoạch đầu tư. Ông muốn đầu tư 500k vào kd. X đầu tư vào loại hình DN nào? Với tư cách j? Nếu ông về hưu thì có gì khác ko?

Theo điều 17, ông X ko đc thành lập quản lý ở cty TNHH nhưng đc góp vốn vào Cty CP. Ông về hưu thì đc góp vốn vào Cty TNHH.

2. Đ94/ luật phá sản:

3. Đ19/ Pháp lệnh cán bộ công chức:

- Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu, cơ quan vợ hoặc chồng, bố mẹ, con của những người đó ko đc góp vốn vào DN hoạt động trong phạm vi ngành nghề mà người đó trực tiếp thực hiện việc quản lý nhà nước.

V. Thủ tục thành lập:

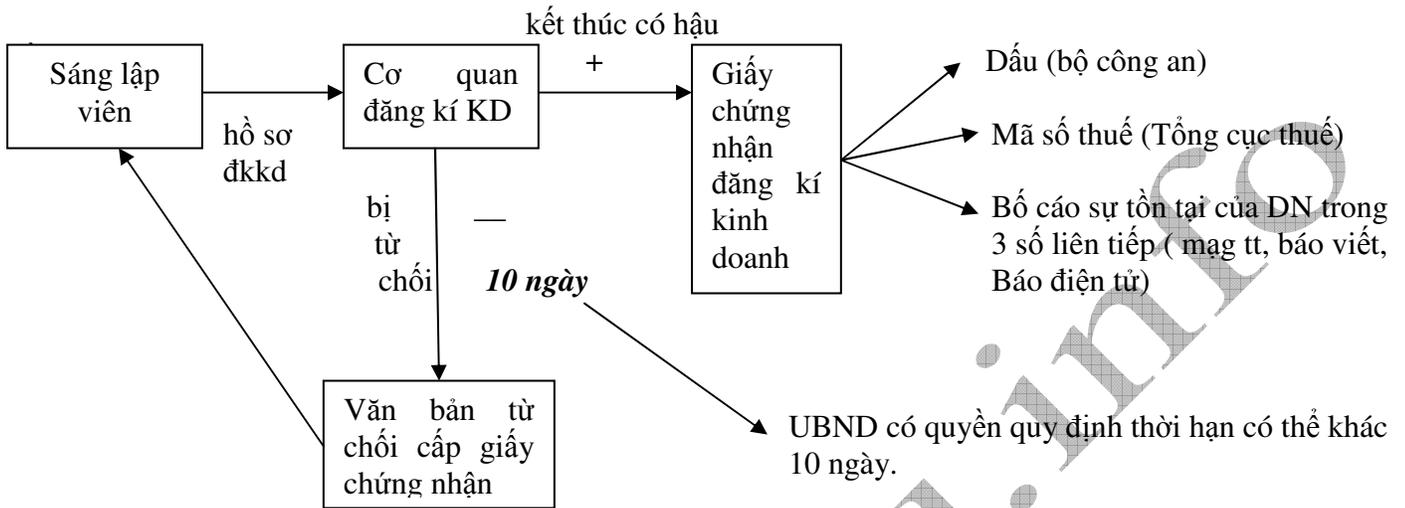
Loại hình	Hồ sơ	
	Cứng (bắt buộc phải có)	Mềm (có điều kiện)
Cty TNHH Cty CP Cty HD DNTN	- Giấy đăng kí kd theo mẫu thống nhất do cơ quan đăng kí kd có thẩm quyền quy định. - Dự thảo điều lệ - Hợp đồng chuyển quyền sở hữu nhà đất.	- Giấy tờ xác nhận đk kd.

--	--	--

<http://a2ftu.info>

--	--	--

2. Vẽ sơ đồ:



VI. Tên DN: (Thi)

- Viết bằng tiếng Việt kèm theo chữ số và kí hiệu, phát âm được và phải có 2 thành tố sau đây:
 - Thành tố 1: loại hình DN
 - Thành tố 2: Tên riêng DN
- Tên bằng tiếng nước ngoài của DN được in hoặc viết với khổ chữ nhỏ hơn tên tiếng việt của DN.
 - Cty TNHH: Co,Ltd
 - Cty CP: JSC
 - Cty HD:
 - DN tư nhân: Sole proprietorship.

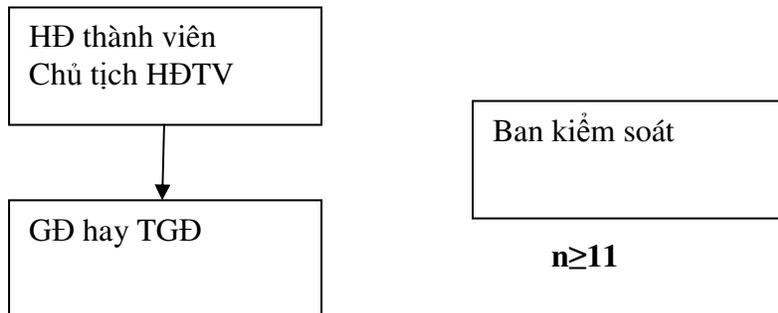
Đ32: VD: DN Sơn Hà có thể có nhiều DN tên đó vì chỉ kiểm tra được ở 1 tỉnh.

CHƯƠNG VI: QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

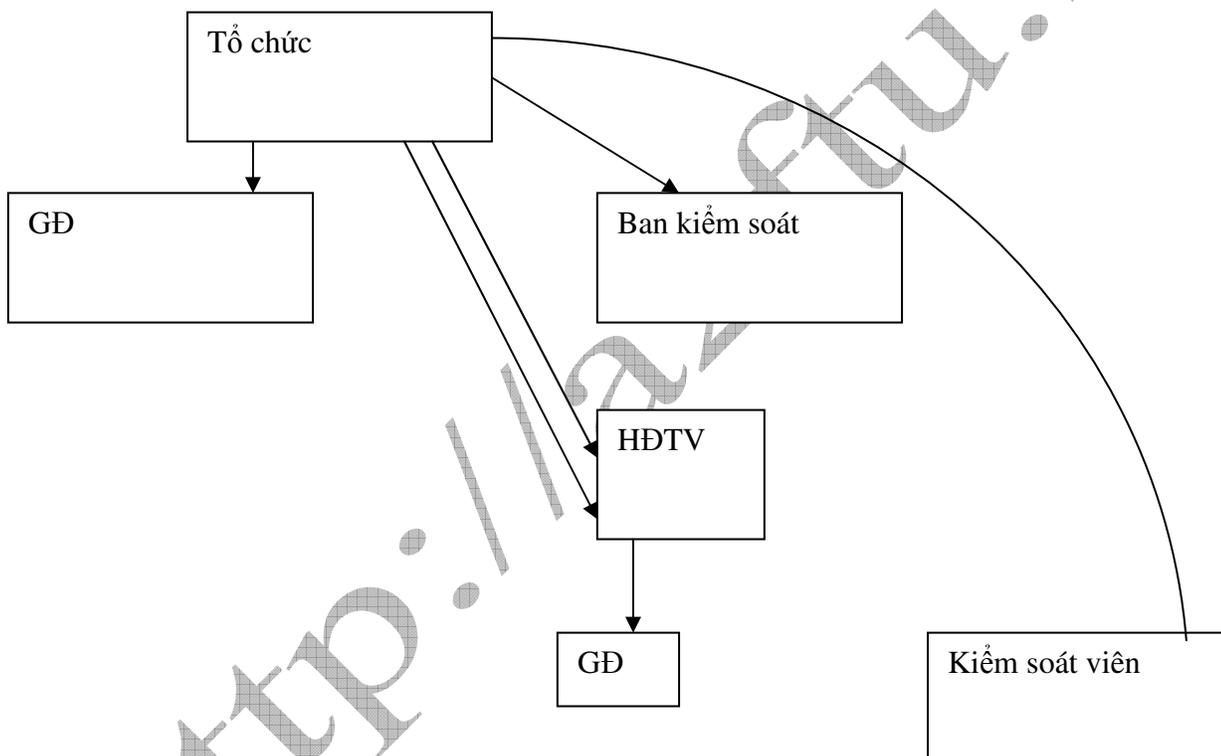
I. Công ty TNHH:

1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức công ty:

TH1: $n \geq 2$:



TH2: $n=1$ tổ chức:



2. Hội đồng thành viên:

2.1. TH1: $n \geq 2$:

- Là ai?
- Chủ tịch HĐQT?
- Triệu tập họp HĐQT (4 Trường hợp)
- Quyền triệu tập họp thuộc về ai?
 - Chủ tịch HĐQT
 - Nhóm TV và TV có vốn $\geq 25\%$ vốn điều lệ hoặc ít hơn nhưng được quy định ở điều lệ công ty.

Đ50/ khoản 2:

- Hợp hợp pháp: Đ51

- $\leq 50\%$ or $\leq 75\%$ nếu theo điều lệ cty.
- Luật: $\geq 75\%$; $\geq 50\%$.
- Địa điểm họp:
- Quyết định của HĐTV: Đ52

VD: 65% × của 75% vốn điều lệ.



Tổng số vốn của thành viên dự họp

- Khoản 2: 65% : quy định > 65% để bảo vệ số thành viên tối thiểu
 - Có TH nào cần 75% số vốn thành viên dự họp ko? Đ52/ K2/ điểm b
 - Có TH nào: có nhất thiết phải họp ko? Ko. Lấy ý kiến bằng văn bản: Đ52/ K3
3. **Người đại diện theo pháp luật:**
- Chủ tịch HĐTV hoặc GD: Đ46
 - Người đại diện cho thành viên
4. **Giám đốc:**
- Tiêu chuẩn: Đ57
 - Là thành viên
 - Là người bên ngoài
5. **Kiểm soát viên:**
- Tiêu chuẩn: K4/ Đ71
 - Số lượng: Đ71/ K1

BÀI TẬP:

An, Bình, Chương, Dung thành lập công ty TNHH Phương Đông vào tháng 11/2006. Điều lệ quy định Chương là chủ tịch hội đồng thành viên. Bình là GD và đại diện theo pháp luật của công ty. Sau khi cty hoạt động 1 năm đã xảy ra mâu thuẫn giữa chủ tịch HĐTV và GD. Với tư cách là người có nhiều vốn hơn, Chương cách chức Bình. Chương bổ nhiệm An làm GD thay thế. Ko đồng ý với quyết định trên, Bình tiếp tục giữ con dấu và kí hợp đồng vay cty Trường Xuân 700tr đồng. Cty Trường Xuân chuyển trước 300 tr cho cty Phương Đông nhưng Bình chuyển toàn bộ sang tài khoản cá nhân của mình.

Ai có trách nhiệm hoàn trả số tiền đã vay cho TX. Biết TS của Phương Đông ở thời điểm vay là 1,2 tỉ đồng.

Trả lời:

Chương ko có quyền cách chức Bình (Đ47) vì Bình vẫn là đại diện hợp pháp. Do đó, hợp đồng PD và TX vẫn ràng buộc.

PD trả tiền cho TX.

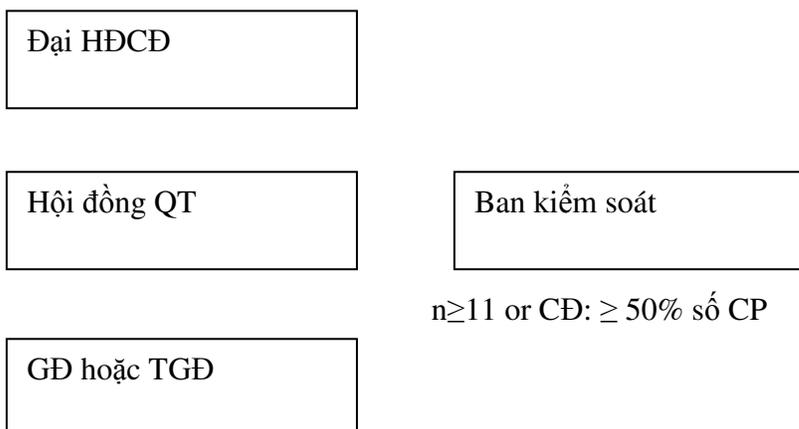
Việc giao kết hđ trái pháp luật vì vượt quá thẩm quyền của Bình: Đ42/ K2c: Đ59/ k2

Sau khi cty chịu trách nhiệm với TX, cty phải đòi B các khoản nợ.

B bị buộc tội lợi dụng quyền hạn chức vụ . (nếu tq hình sự hoá vụ việc)

II. Cty CP:

1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức cty:



- Cổ đông có 50% CP. Đây là trường hợp nhà nước có CP (khi nhà nước chuyển sang CP)
- **Có TH nào là CĐ nhưng ko thuộc đại HĐ cổ đông ko?**
 - CĐ ưu đãi cổ tức; cổ đông ưu đãi ko hoàn lại ko có quyền biểu quyết.
 - HĐ quản trị ko nhất thiết là CĐ.

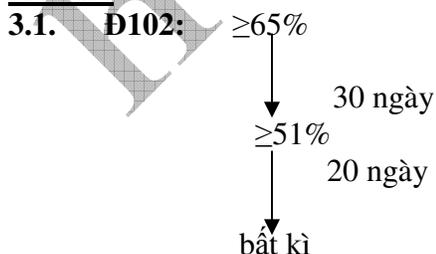
2. Đ109:

- HĐQT: $3 \leq \text{người} \leq 11$. Nếu điều lệ cty ko có quy định khác.
- Nếu < 3 hoặc > 11 khi điều lệ cty quy định khác.
- **Chủ tịch HĐQT làm GD luôn có đc ko?**
 - Đc vì theo Đ111/ k1.
 - Người ta tránh TH này trừ khi cty gặp trục trặc như cách chức GD thì cho chủ tịch HĐQT sẽ kiêm GD hoặc khi cty có quy mô nhỏ thì chủ tịch HĐQT kiêm GD.
- Đ116/ k1: Điều lệ mà ko nói j thì GD là người đại diện theo pháp luật.
- **Đại hội đồng là cơ quan quyền lực cao nhất? Vì sao? Là chủ SH.**

3. Hợp:

- **Thế nào là hợp hợp pháp?**
- **Hợp ra sao?**
- **Ai triệu tập hợp?**
- **Kết quả (nghị quyết) hợp thế nào là hợp pháp?**
- **Hợp xong rồi thì huỷ đc ko?**
- **Có khi nào là ko hợp nhưng vẫn coi là.....**

Trả lời:



- Đại HĐCĐ gồm có những CĐ có quyền biểu quyết.
- Chủ tịch HĐQT **triệu tập hợp** (Đ97/ k5 và k6)

- Ban kiểm soát **có quyền triệu tập họp**
- Đ97/ k1: họp mỗi năm 1 lần. Họp bao nhiêu là do điều lệ cty quy định.

Chú ý: Triệu tập họp ko hợp pháp thì cuộc họp cũng ko hợp pháp. Do đó, các nghị quyết trong cuộc họp đó cũng ko hợp pháp.

- Đ102:

Chú ý: nếu lần 2 ko triệu tập đc thì ra họp lần 3. Lần 3 là bất kể bao nhiêu cũng đc.

3.2. Nghị quyết ntn là hợp pháp?

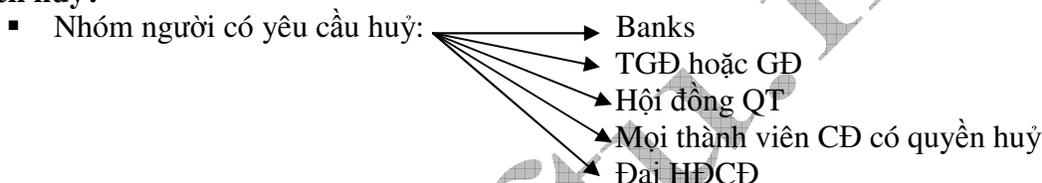
- Nghị quyết ntn là hợp pháp?

- Bớt số CĐ đại diện.....
- 65% Đại HĐCĐ thông qua....
- $\geq 65\%$ số vốn của những người dự họp
- $\geq 75\%$ nếu Đ104

- Một khi nghị quyết ra đời rồi thì có huỷ đc quyết định của Đại HĐCĐ ko?

- Đ107: đc huỷ

• Ai đc quyền huỷ?



→ Toà hoặc trọng tài có quyền huỷ

[Theo điều lệ của cty quy định (khi có tranh chấp thì đưa nhau ra đấu)
 Nếu đlệ ko quy định thì]

3.3. Đại HĐCĐ:

Hội đồng quản trị là ai? Nvụ, chức năng.

Trả lời:

- Là ai?

- Đ110:
 - [CĐ là cá nhân sở hữu 5% CP
 - [Người khác có trình độ chuyên môn (còn gọi là đại diện của CĐ tổ chức)
- Đ109/ k4: Thành viên HĐQT ko nhất thiết là CĐ của cty.
- Thuê tv HĐQT đc ko? Ko đc
- CĐ là tổ chức mới ở trong HĐQT. Họ cử người để uỷ quyền. Từng cá nhân đó ko là CĐ mà chỉ là đại diện.
- TV HĐQT nhất định là cá nhân.

- Đại diện HĐCĐ là cơ quan j?

Đại diện HĐCĐ là cơ quan quyết định. Còn HĐQT là cơ quan quản lý.

- Nhiệm vụ, chức năng? Đ108

HĐQT quản lý cty thông qua các cuộc họp.

3.4. Hợp HĐQT ntn là hợp pháp?

- Hợp HĐQT ntn là hợp pháp?

- Ai triệu tập họp? Chủ tịch HĐQT hoặc người đề nghị triệu tập họp: K4/ Đ12
- Triệu tập ntn là hợp pháp? Đ112/ k5; Đ112/ k6
- Hợp ntn là hợp pháp? Đ112/ k8.

$\frac{3}{4}$ tổng số thành viên HĐQT.



$3 \leq \text{người} \leq 11$

Tv ko dự họp thì biểu quyết bằng văn bản. Ngược với HĐCĐ là ai ko đi họp thì mất quyền biểu quyết.

- **Quyết định của HĐQT ntn là hợp pháp?**

Quyết định của thành viên được thông qua nếu đc đa số thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của chủ tịch HĐQT.

VD: HĐQT có 5 ông: 4 ông họp. 1 ông gửi phiếu biểu quyết về vì ông ta đi vắng.

- Đại HĐCĐ:

- **ĐC ko đi họp đc thì có đc uỷ quyền cho người khác đi họp ko?** Đc. Theo Đ112/ k9: tv HĐQT mà ko đi họp thì uỷ quyền nhưng với đk đa số tv HĐQT chấp thuận.

- **VD: A chưa tốt nghiệp. A có tiền góp vào cty. A chưa đủ năng lực nên A thuê người có đủ năng lực đc uỷ quyền để đi họp.** → A vẫn có quyền quản lý công ty.

- **VD: Cty có vốn nước ngoài góp.**

Biên bản bằng tiếng Việt.

Biên bản bằng tiếng nước ngoài.

Đ113/ k3.

Nếu 2 bản có mâu thuẫn nhau về ND thì lấy bản nào? bỏ bản nào?

Khoản này thì luật để ngỏ. Nhưng ta vẫn giải quyết đc. Ban thư kí sẽ đi họp kiểm lại phiếu để tìm biên bản liên quan đến văn bản đó.

3.5. Giám đốc:

- Là ai? $\left\{ \begin{array}{l} \text{Là tv của HĐQT} \\ \text{Thuê ngoài} \end{array} \right.$

Chủ tịch HĐQT kiêm GD? Đc

- **GD cty CP có bị hạn chế gì ko?**

- **A là giám đốc của Cty TNHH thì A đc làm GD của cty TNHH khác ko?**

- **Một người làm GD nhiều công ty đc ko? 1 người làm GD của mấy cty? Nhiều trừ TH cty CP.**

3.6. Ban kiểm soát hđ ntn?

- Là ai? Đ122/k1, k2

Đ121/ k2

BÀI TẬP:

Cty CP Ba Đình năm 2006. Cty A có số CP lớn nhất: 51%. HĐQT có 7 thành viên: 5 của cty Ba Đình, 2 của cty A.

Cty A có 2 đại diện thành viên, ông Trần Xuân Linh là GD cty, người còn lại là Trần Tại Xuân giữ chức chủ tịch HĐQT.

Điều lệ quy định chủ tịch HĐQT là người đại diện theo luật, gd cty là tv HĐQT.

Năm 2008, HĐQT của cty A ra quyết định cử ông Nguyễn Trần Thanh sang thay Trần Xuân Linh. Một số thành viên HĐQT của Ba Đình ko nhất trí với quyết định này nên đã triệu tập họp HĐQT để chính thức hoá các quyết định trên. Cuộc họp chỉ có 5 tv tham dự. 3/ 5 thành viên HĐQT đã

đồng ý thông qua quyết định bãi nhiệm chức giám đốc, tv HĐQT của Trần Xuân Linh. Bổ nhiệm Nguyễn Trần Thanh giữ chức GD, kết nạp thêm Lê Quốc Thắng do cty A cử sang.

1. Hỏi các quyết định trên có hợp pháp hay ko?

Trả lời:

- Quyết định của HĐQT của cty A thay ông Linh bằng ông Thanh là đúng.
- Việc cty A cử 2 đại diện là đúng.
- Cuộc họp ko hợp pháp. Ko là 3/5 mà là 3/4. Do đó, quyết định của cuộc họp ko hợp lệ.

2. Cuộc họp diễn ra hợp lệ nhưng các quyết định của HĐQT có hợp lệ ko?

Trả lời:

- Tỷ lệ bỏ phiếu: 3/5
- ND bỏ phiếu ko hợp lệ: 3 ND:
 - ND1: HĐQT có quyền bãi nhiệm GD ko? Đại HĐCĐ mới có thẩm quyền bãi nhiệmn GD. HĐQT chỉ đc bãi nhiệm chức GD chứ ko có quyền bãi nhiệm chức tv HĐQT của ông ta. Do đó, ông vẫn là tv HĐQT.
 - ND2: Bổ nhiệm Nguyễn Trần Thanh làm GD ko đc vì ông Thanh ko thuộc tv HĐQT.
 - ND3: Kết nạp Lê Quốc Thắng của cty A vì kết nạp ko thuộc thẩm quyền của đại HĐCĐ.

3. Trình tự đúng ra sao? (Cty A phải làm j để cho ông Nguyễn Trần Thanh làm GD

Trả lời:

- B1: Cty A đưa quyết định thay ông Linh bằng ông Thanh.
- B2: Tại cty CP Ba Đình: cty A ko có quyền triệu tập họp thì phải chờ phiên họp để trình bày ý kiến. Cty A ko có quyền triệu tập nhưng có quyền yêu cầu triệu tập. → Cty A yêu cầu triệu tập họp đến chủ tịch HĐQT .
- B3: Chủ tịch HĐQT triệu tập họp .
- B4: Tại cuộc họp, ông nêu lên vấn đề là bổ nhiệm Thanh làm tv HĐQT.
- B5: Bỏ phiếu xem Thanh làm tv HĐQT.
- B6: Chủ tịch HĐQT triệu tập họp:
 - Bãi nhiệm ông Linh
 - Bầu Thanh làm GD.

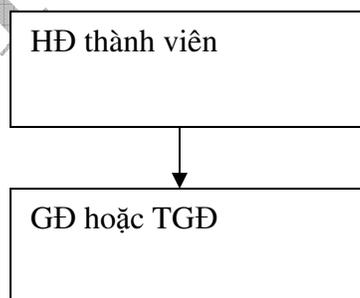
Lưu ý:

- Đ79/ K3: Tv HĐQT là cá nhân, ko là tổ chức: CD hoặc nếu tv là tổ chức thì cử ra người đại diện.
- Đ109/ k4: tv HĐQT ko nhất thiết là GD cty.

Linh có 2 tư cách : Đại diện cho CD, tv HĐQT.

Cty A thay Linh nên Linh chỉ mất tư cách đại diện cty A.

III. Cty hợp danh:



- Hội đồng thành viên là cơ quan quyết định của cty:
- Hội đồng thành viên → TV hợp danh
→ Tv góp vốn

- Mọi thành viên hợp danh đều có quyền triệu tập họp. Hợp ntn là hợp pháp?
 - Hợp bao nhiêu cũng đc
 - Nhưng quyết định hợp pháp phải đc $\geq 3/4$ tổng số thành viên hợp danh chấp nhận.
- HĐTV bầu ra GD:
 - Vai trò của GD là j?
 - Ai là người đại diện hợp pháp của cty hợp danh? Là mọi thành viên của cty hợp danh. Đ 137/ k1.
 - Đ135/ k2: $\geq 75\%$
 - Đ137/ k2: Nguyên tắc đa số trong 1 số lĩnh vực đặc biệt.

IV. Doanh nghiệp tư nhân

DNTN rất tự do vì chủ doanh nghiệp chịu trách nhiệm vô hạn.

1. Chủ DN tự quản lý
2. Thuê người quản lý \neq cho thuê DN:

Mục	Thuê người quản lý	Cho thuê DN
Hợp đồng	Hđ lao động	Hđ cho thuê TS
Khách thể	Người thuê hưởng tới lương	Người thuê hưởng tới thị phần và danh tiếng (người thuê thấy khi DNTN nào thua lỗ thì sẽ thuê với giá rẻ vì tận dụng đc 2 yếu tố có sẵn của DN. VD: người đi thuê bị rút giấy phép ĐKKD thì chủ DN vẫn chịu trách nhiệm trước pháp luật)

3. Bán DN

- Hợp đồng mua bán TS.
- Đ145/ k2: sau khi bán DN chủ DN vẫn phải chịu trách nhiệm về khoản nợ và nghĩa vụ TS khác mà DN chưa thực hiện trừ TH người mua, người bán, chủ nợ của DN có thoả thuận.

VD: Miễn thuế 5 năm. DN mà bán thì chủ nợ vẫn đc hưởng miễn thuế 3 năm còn lại.

CHƯƠNG VII: TỔ CHỨC LẠI DOANH NGHIỆP

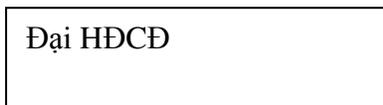
I. Chuyển đổi hình thức:

- Đ154: quy định công ty TNHH có thể được chuyển đổi thành cty CP hoặc ngược lại.

Quy trình chuyển đổi:

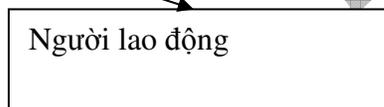
TH1: CP → TNHH:

B1:

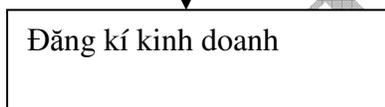


B2:

Quyết định chuyển đổi.
Điều lệ



B3:



B4:

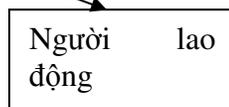
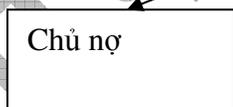
TNHH

TH2: TNHH → CP:

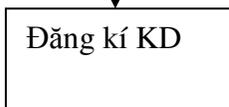
B1:



Quyết định chuyển đổi.
Điều lệ



B2:



B3:



B4:

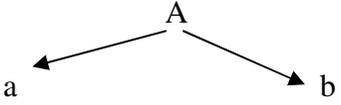
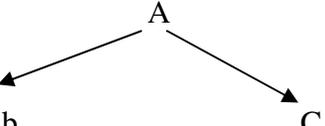
Cty CP

- Đ155: cty TNHH 1 thành viên được chuyển đổi thành cty TNHH 2 thành viên trở lên.
 - Ko đc lên thành cty CP mà phải đủ 3 người trở lên.
 - DNTN → cty TNHH? Luật ko quy định nhưng ko có quy trình nên ta phải giải thể rồi thành lập DN mới.
- Đ20: Cty CP hoặc TNHH 2 thành viên trở lên có thể chuyển đổi thành cty TNHH 1 thành viên.

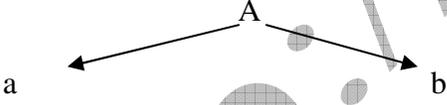
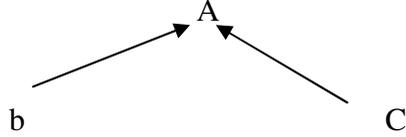
II. Tổ chức lại DN:

Tổ chức lại DN gồm {
 Chia (Đ150)
 Tách (Đ151)
 Hợp nhất (Đ152)
 Sáp nhập (Đ153)
 Giải thể (Khó nhất)

1. Sự khác nhau giữa chia và tách:

Tách	Chia
- Là lập cty con. - DN ban đầu còn xuất hiện nhiều công ty con. 	- DN ban đầu ko còn mà sinh ra 1 loạt DN mới. 

2. Sự khác nhau giữa hợp nhất và sáp nhập:

Sáp nhập	Hợp nhất
 <ul style="list-style-type: none"> - Ít nhất 1 cty phát triển mạnh lên. - Phân biệt mua lại và sáp nhập. Acquisition { Mua lại Sáp nhập M&A: sinh ra các hậu quả pháp lý khác nhau TH1: Đẩy b đi rồi thay tên đổi họ. Gọi là tách. TH2: Đẩy b đi, a mua lại và cho a → A. Gọi là sáp nhập.	 <ul style="list-style-type: none"> - Mọi công ty mất đi.

- **Loại hình DN nào có thể hợp nhất, tách, sáp nhập ?**
 - 2 DN tư nhân sáp nhập lại thành 1 DNTN ko? Ko đc.
 - TH mua lại nhưng vẫn ko là sáp nhập. VD: a + b → C. 2 chủ SH nên ko là sáp nhập.
 - Loại hình cty cùng loại: CP, TNHH....

- **Từ 1 hợp danh mà chia làm 2 hợp danh đc ko? Rất phức tạp vì hợp lại thì dễ mà chia thì khó.**

3. Giải thể:

- TH nào cty bị giải thể?

- Đ157: giải thể theo thoả thuận.
- Đ157/d: bị thu hồi giấy chứng nhận đăng kí KD. Cơ quan đăng kí KD rút. (Xem chương II phần III).

3.1. Thủ tục giải thể :

- Ép phải giải thể khi DN ko chịu giải thể.

B1: Thông báo quyết định giải thể DN?

- Trong cty CP: Đại HĐCĐ
- Trong cty Hd: các tv hợp danh.
- Trong cty TNHH: HĐ thành viên.....

B2: Gửi quyết định giải thể DN lên cơ quan đăng kí KD.

B3: Tổ chức thanh lý TSDN. Thứ tự thanh toán nợ (k4/ Đ158).

- Chủ nợ bảo đảm: bảo đảm rằng khoản nợ sẽ được giả. Do đó, TS này ko tính vào TS thanh lý.
- Chủ nợ ko có bảo đảm. VD: mua chịu.

B4: Gửi hồ sơ giải thể DN đến các cơ quan ĐKKD để xoá tên.

B5: Cơ quan ĐKKD xoá tên DN. Trong TH mà DN ko chịu nộp hồ sơ giải thể thì sao?

Đ158/ K6:

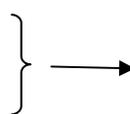
Chủ SH và người đại diện theo pháp luật liên đới chịu trách nhiệm.

CHƯƠNG VIII: LUẬT PHÁ SẢN DOANH NGHIỆP:

I. Khái niệm luật phá sản: Đ3/ Luật phá sản 2004:

- Khi ko có khả năng thanh toán nợ đến hạn.
- Có thể bị tuyên bố phá sản ko?
- VD: Chậm trả nợ 2 ngày thì người ta tuyên bố DN phá sản.
- Theo luật phá sản 1993:

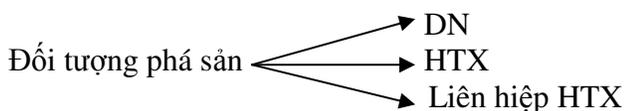
Ko có khả năng thanh toán nợ đến hạn
Thua lỗ 2 năm liên tiếp
Tìm mọi cách khắc phục nhưng ko đc.



Thiệt cho chủ nợ và DN khó chết hoặc sống ko đc.

Thực tế, nhiều DN chết nhưng nhà nước ko khai tử nổi vì ko thoả mãn 3 đk trên.

II. Đối tượng:



- Cá nhân ko bị tuyên bố phá sản.
- Hộ KD cá thể ko bị tuyên bố phá sản. Nợ cho vào người KD.

Đứt đoạn khoản nợ thuộc về : DN, HTX, Liên hiệp HTX.

- Tổ hợp tác ko bị tuyên bố phá sản.

III. Ai có quyền tuyên bố phá sản? Đ13, Đ14, Đ15, Đ16, Đ17, Đ18

1. Đ13, Đ14:

- Chủ nợ:
 - bảo đảm 1 phần
 - Ko có bảo đảm

Chủ nợ bảo đảm toàn phần thì ko cần làm đơn yêu cầu tuyên bố phá sản mà siết nợ luôn.

VD: Chủ nợ ko bảo đảm: người cung cấp bán chịu. Chủ nợ bảo đảm 1 phần: Vd như ngân hàng bảo đảm 1 phần TS.

- Người lao động
 - Thông qua công đoàn
 - Người đại diện cho người lao động

- Nợ bao nhiêu lâu là tuyên bố phá sản? Cứ nợ lương là tuyên bố phá sản.
- Trước 2004, Luật DN: nợ lương 3 tháng thì tuyên bố phá sản. Do đó nhiều DN lách luật.
- Người lao động có phải nộp án phí xen tuyên bố phá sản ko? Ko . Đ 21.

2. Đ15: Chủ DN tuyên bố:

Đại diện hợp pháp
Cty TNHH : chủ tịch HĐQT hoặc GD
Cty CP
HD: bất kì thành viên nào.

3. Đ16:

- Đại diện chủ SH DN nhà nước.
- Đại diện chủ SHDNNN là ai?

Loại DN	Chủ SH
- Do bộ lập - Do UBND lập - Do thủ tướng CP lập	- Bộ trưởng - Chủ tịch UBND - Thủ tướng CP

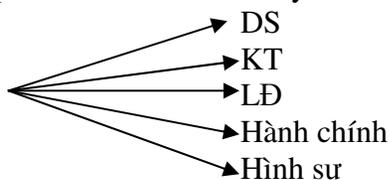
4. Chủ thể khác: Đ17, Đ18:

- Đ17: CĐ cty CP: CĐ hoặc nhóm CĐ có DH > 20% số CP PT trong thời gian liên tục ≥ 6 tháng.
- Đ18: Thành viên HD: bất cứ thành viên HD nào của cty.

IV. Thẩm quyền tuyên bố phá sản thuộc về ai? Đ7- Đ8:

- Các loại toà:

- Cấp tỉnh trở lên: 5 toà chuyên trách:



- Cấp huyện ko có toà chuyên trách

- Đ7: thẩm quyền của toà KT; thẩm quyền của toà án 2 cấp.



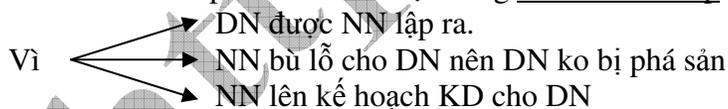
- Đ8: Thẩm phán: Toà KT cấp tỉnh có 3 thẩm phán.

V. Trách nhiệm thông báo tình trạng phá sản: Đ20

VI. Đặc điểm của thủ tục giải quyết phá sản: 7 đặc điểm

1. Chỉ tồn tại trong nền kinh tế thị trường.

- Vì sao phá sản ko tồn tại trong nền KT bao cấp?



2. Đây là 1 thủ tục tố tụng tư pháp đặc biệt vì 5 đặc điểm còn lại:

Vì tố tụng tư pháp thuộc thẩm quyền của toà án

3. Đây là đòi nợ tập thể vì:

- Các chủ nợ cùng nhau đòi 1 lúc.
- Khi chủ nợ yêu cầu tuyên bố phá sản thì toà án triệu tập hội nghị chủ nợ.
- TSDN sau khi bán thì cho vào quỹ chung trả chủ nợ cùng lúc. Nếu ko đủ tiền trả thì trả cho chủ nợ theo tỉ lệ.

4. Biện pháp cuối cùng của quá trình đòi nợ:

- Vì tuyên bố phá sản thì DN ko tồn tại nữa. Tbro phá sản là biện pháp mà khi các biện pháp đòi nợ khác ko đc.

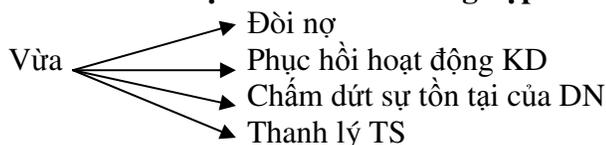
5. Chấm dứt hợp đồng của 1 thương nhân:

Vì sau khi toà tuyên bố phá sản thì DN đó ko còn tồn tại.

6. Là thủ tục giúp con nợ phục hồi

VD: Chủ nợ đòi mãi mà con nợ ko trả. Chủ nợ đâm đơn tuyên bố phá sản. Toà sẽ xem xét DN có thực trạng ra sao, xem có khả năng phục hồi ko? → yêu cầu DN lên kế hoạch.

7. Thủ tục có tính chất tổng hợp



VI. So sánh thủ tục phá sản với các thủ tục tố tụng khác

1. So sánh thủ tục phá sản với thủ tục tố tụng HS: Đ8/ K3:

Thủ tục phá sản	Thủ tục TTHS
<ul style="list-style-type: none"> - Toà KT - Toà KT vẫn tiếp tục làm thủ tục phá sản. - Pháp nhân. 	<ul style="list-style-type: none"> - Toà HS. - Toà KT chuyên cho toà HS.... K3/ Đ8 - Gắn với cá nhân. <p>VD: DN buôn lậu thì người trực tiếp tham gia kí kết sẽ bị truy tố hình sự.</p>

Hai toà này sẽ song song tiến hành thụ lý vụ án

2. Thủ tục phá sản và thủ tục giải quyết tranh chấp KT:

Thủ tục phá sản	Thủ tục giải quyết tranh chấp KT

VD: Cty ĐHNT tuyên bố phá sản tại toà KT. → Toà HN. Cty ĐHNT cho cty ĐH Luật ở vay tiền. → toà TPHCM xét xử. Vậy cùng 1 lúc mà 2 toà xét xử đc k0?

Theo Đ57/ K2: nghĩa vụ còn lại sẽ ra đi. Thẩm quyền của toà khác sẽ bị đình chỉ mà chuyển ra toà làm thủ tục phá sản.

Theo Đ58/ K2: các bên có quyền lợi liên quan sẽ chuyển thành chủ nợ ko có bảo đảm.

3. Thủ tục phá sản và thủ tục thi hành án dân sự:

- Đ27, Đ57; K2 – Đ90:

- Việc thi hành án thuộc thẩm quyền của cơ quan thi hành án của toà.

Theo Đ27, Đ57:

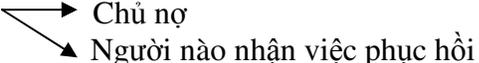
Theo Đ57: khi đình chỉ thi hành án DS hoặc giải quyết vụ án.

Lưu ý: Trường hợp 2 và 3 thì DN đc dùng các thủ tục khác để làm thủ tục phá sản. TH1 đc tiến hành song song phá sản và hình sự.

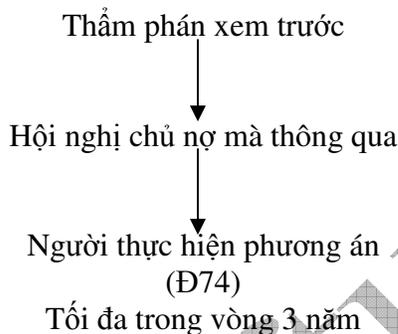
VII. Thủ tục áp dụng với chủ thể lâm vào tình trạng phá sản:

1. Thủ tục thu hồi ĐKKD : (Đ68, 71, 72)

1.1. Xây dựng phương án phục hồi: Đ68, Đ80

- Áp dụng phục hồi hoạt động kinh doanh khi được hội nghị chủ nợ lần 1 đồng ý.
- 

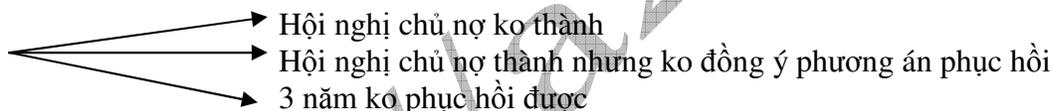
1.2. Xem xét phương án:



Nếu trong vòng 3 năm mà ko khôi phục đc thì phải thanh lý tài sản.

2. Thủ tục thanh lý tài sản: (Đ78, Đ79, Đ80)

2.1. Các trường hợp thanh lý tài sản:



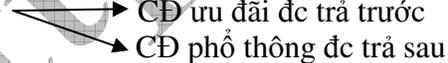
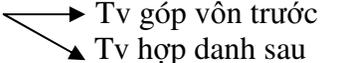
2.2. Thứ tự ưu tiên thanh toán: Đ34, Đ35, Đ37

- Đ37: thứ tự ưu tiên thanh toán: K1/ Đ37. Thuế ở đâu?

Thuế ở Đ37/ K1/ c

- Nhà nước thuộc nhóm chủ nợ ko có bảo đảm.

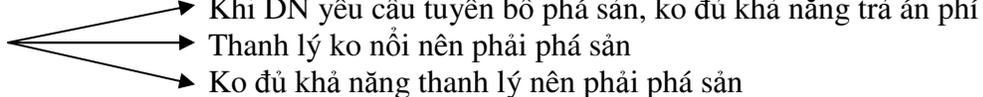
- **Nếu sau khi thanh lý mà còn 1 ít tiền thì trả về cho chủ SH. Vậy thứ tự người được chia sau đó sẽ ra sao?**

- Cty CP: 
- Cty Hợp danh: 
- Cty TNHH: Chia theo tỉ lệ góp vốn

2.3. Đình chỉ thanh lý: Đ85

3. Thủ tục tuyên bố phá sản:

3.1. Điều kiện tuyên bố phá sản: Đ86, Đ87

- 
- Khi DN yêu cầu tuyên bố phá sản, ko đủ khả năng trả án phí
 - Thanh lý ko nổi nên phải phá sản
 - Ko đủ khả năng thanh lý nên phải phá sản

3.2. Hậu quả của tuyên bố phá sản:

- Với chủ thể bị phá sản: DN chấm dứt.
- Đối với chủ SH và người quản lý: Đ94:
 - Ko đc thành lập hoặc quản lý: trong vòng từ 1 đến 3 năm kể từ ngày HTX bị tuyên bố phá sản
 - 1-3 năm là căn cứ vào mức độ nghiêm trọng mà việc phá sản đó gây ra.

3.3. Chủ DNTN và tv hợp danh: Đ90:

- Chủ DNTN và tv hợp danh chịu chế độ trách nhiệm vô hạn
- Sau khi bán thanh lý mà còn tiền thì chuyển trách nhiệm nợ tổ chức sang cá nhân.

4. Các biện pháp bảo toàn TS của chủ thể lâm vào tình trạng phá sản:

4.1. Tuyên bố vô hiệu đối với 1 số giao dịch nhằm mục đích tẩu tán TS: (Đ43, Đ44)

- Giao dịch này diễn ra rồi trước khi đâm đơn yêu cầu tuyên bố phá sản. Gd này đã thực hiện rồi nhưng toà bảo là vô hiệu nên toà yêu cầu các bên hoàn trả TS đã nhận của nhau. (Đ43)

4.2. Đ31: Các biện pháp ngăn chặn : Đ31/ K1

4.3. Đình chỉ thực hiện hợp đồng đang có hiệu lực: Đ45, Đ46, Đ47

- Đình chỉ sẽ công bằng hơn huy
- Xếp vào chủ nợ ko có bảo đảm: Đ47/ k2

VIII. Địa vị pháp lý của các bên tham gia thủ tục phá sản:

- Toà án: 22-28, 9, 68, 78-79-80-86-87, 20, 31, 55, 58, 61.....
- Chủ thể lâm vào tình trạng phá sản: 23, 30, 50, 64-65, 68, 73, 90, 23-32-52-53-56-83-91
- Chủ nợ: 13-14, 9, 51, 62
- Tổ quản lý thanh lý TS: 9, 10, 30, 55, 52-53, 64
- Vẽ sơ đồ quy trình thủ tục phá sản từ yêu cầu tuyên bố phá sản cho đến các hậu quả

MỤC LỤC

PHẦN I: TỔNG QUAN VỀ DOANH NGHIỆP	1
I. Khái niệm về thương nhân	1
1. Theo cách hiểu của 1 số nước	1
2. Theo luật VN	1
3. Lưu ý:.....	1
4. Điều kiện để trở thành thương nhân	1
4.1. Điều kiện cần và lưu ý	1
a. Điều kiện cần	1
b. VD.....	1
c. Lưu ý.....	2
4.2. Điều kiện đủ:.....	2
5. Quyền và nghĩa vụ của thương nhân	2
6. Hợp đồng của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	3
1. Công ty TM ở các nước TBCN.....	3
1.1. Khái niệm công ty và công ty TM	3
1.2. Phân loại công ty TM.....	4
1.2.1. Xét về căn cứ chế độ trách nhiệm	4
1.2.2. Xét về mặt tổ chức.....	4
1.2.3. Xét về mặt hình thức pháp lý	4
2. DN theo cách hiểu của pháp luật VN.....	5
2.1. Khái niệm.....	5
2.2. Phân loại.....	5
2.2.1. Đơn vị doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (Luật ĐTNN 1996-2000).....	5
2.2.2. DN nhà nước	5
CHƯƠNG II: MỘT SỐ LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP ĐIỂN HÌNH TRÊN THẾ GIỚI.....	6
I. Công ty hợp danh (Partnership)	6
1. Khái niệm.....	6
2. Đặc điểm.....	6
2.1. Thành viên.....	6
2.2. Cơ sở pháp lý.....	6
2.3. Chế độ trách nhiệm	6
2.4. Tư cách pháp nhân	6
2.5. Lĩnh vực	6
2.6. Quyền hạn thành viên	6
II. Công ty giao vốn (Limited liability partnership).....	7
1. Công ty giao vốn khắc phục được nhược điểm của công ty hợp danh.	7
2. Đặc điểm	7
2.1. Thành viên.....	7
2.2. Chế độ trách nhiệm	7
2.3. Tư cách pháp nhân	8
2.4. Chế độ trách nhiệm	8
2.5. Cơ sở ra đời.....	8

BÀI TẬP MẪU:	8
III. Công ty cổ phần.....	9
1. ĐN: là công ty đối vốn.....	9
2. Phân biệt cổ đông, cổ tức, cổ phiếu, cổ phần.....	9
3. Tổ chức	9
IV. Công ty TNHH.....	9
1. ĐN.....	9
2. Thành viên.....	9
PHẦN II: NỘI DUNG MÔN HỌC.....	11
CHƯƠNG I: TỔNG QUAN VỀ DOANH NGHIỆP VIỆT NAM	11
I. Doanh nghiệp là gì?	11
1. ĐN: Điều 4/ khoản 1	11
2. Điều kiện để trở thành doanh nghiệp.....	11
II. Phân loại	11
III. Tài sản góp vốn (Đ4/ k4; k5).....	11
IV. Định giá vốn góp (Đ30).....	11
V. Vốn	12
1. Đ39:	12
2. Đ60: Tăng giảm vốn điều lệ:	12
3. Bảng chứng góp vốn: Đ39	12
4. Đ44: Chuyển nhượng vốn góp:	12
5. Đ45: Xử lý phần vốn góp:	13
6. Đ61: Phân chia lợi nhuận:	13
7. Điều 38:	13
BÀI TẬP.....	13
CHƯƠNG II: CÔNG TY CỔ PHẦN.....	15
I. Cty cổ phần: Đ78.....	15
1. Điều 78:	15
2. Điều 83: CP ưu đãi hoàn lại:.....	15
II. Chào bán CP:.....	16
III. Cổ tức: (Đ93).....	16
IV. Cổ đông: (Đ79).....	16
1. CĐ: Đ79.....	16
2. CĐ nhỏ.....	16
CHƯƠNG III: CÔNG TY HỢP DANH	17
I. ĐN:.....	17
II. Thành viên:.....	17
1. Đ134:	17
2. Đ139:	17
3. Đ133: Hạn chế quyền của thành viên hợp danh	17
4. Đ139:	17
5. Đ138:	17
CHƯƠNG IV: DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN	18
I. Đ141:.....	18
II. Tự quản lý:	18
III. Thuê người quản lý:	18
CHƯƠNG V: THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP.....	19
I. Ngành nghề kinh doanh:	19
II. Điều kiện kinh doanh: Đ5/ K2/ NĐ 139/ 2007	19

III. Cơ quan đăng kí kinh doanh:.....	19
IV. Đối tượng:.....	19
1. Điều 17/ Pháp lệnh cán bộ công chức/ 1998:.....	20
2. Đ94/ luật phá sản:	20
3. Đ19/ Pháp lệnh cán bộ công chức:	20
V. Thủ tục thành lập:.....	20
2. Vẽ sơ đồ:.....	22
VI. Tên DN: (Thi).....	22
CHƯƠNG VI: QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP.....	23
I. Công ty TNHH:.....	23
1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức công ty:.....	23
2. Hội đồng thành viên:	23
3. Người đại diện theo pháp luật:	24
4. Giám đốc:.....	24
5. Kiểm soát viên:	24
BÀI TẬP:.....	24
II. Cty CP:	25
1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức cty:.....	25
2. Đ109:	25
3. Hợp:	25
3.1. Đ102:.....	25
3.2. Nghị quyết ntn là hợp pháp?	26
3.3. Đại HĐCD:	26
3.4. Hợp HĐQT ntn là hợp pháp?.....	26
3.5. Giám đốc:.....	27
3.6. Ban kiểm soát hđ ntn?.....	27
BÀI TẬP:.....	27
III. Cty hợp danh:	28
IV. Doanh nghiệp tư nhân	29
1. Chủ DN tự quản lý.....	29
2. Thuê người quản lý ≠ cho thuê DN:	29
3. Bán DN	29
CHƯƠNG VII: TỔ CHỨC LẠI DOANH NGHIỆP	30
I. Chuyển đổi hình thức:.....	30
II. Tổ chức lại DN:.....	31
1. Sự khác nhau giữa chia và tách:	31
2. Sự khác nhau giữa hợp nhất và sáp nhập:.....	31
3. Giải thể:	32
3.1. Thủ tục giải thể :	32
CHƯƠNG VIII: LUẬT PHÁ SẢN DOANH NGHIỆP:.....	33
I. Khái niệm luật phá sản: Đ3/ Luật phá sản 2004:	33
II. Đối tượng:	33
III. Ai có quyền tuyên bố phá sản? Đ13, Đ14, Đ15, Đ16, Đ17, Đ18	33
IV. Thẩm quyền tuyên bố phá sản thuộc về ai? Đ7- Đ8:.....	34
V. Trách nhiệm thông báo tình trạng phá sản: Đ20	34
VI. Đặc điểm của thủ tục giải quyết phá sản: 7 đặc điểm.....	34
1. Chỉ tồn tại trong nền kinh tế thị trường.	34
2. Đây là 1 thủ tục tố tụng tư pháp đặc biệt vì 5 đặc điểm còn lại:.....	34

3.	Đây là đòi nợ tập thể vì:.....	34
4.	Biện pháp cuối cùng của quá trình đòi nợ:	35
5.	Chấm dứt hợp đồng của 1 thương nhân:.....	35
6.	Là thủ tục giúp con nợ phục hồi.....	35
7.	Thủ tục có tính chất tổng hợp	35
VI.	So sánh thủ tục phá sản với các thủ tục tố tụng khác	35
1.	So sánh thủ tục phá sản với thủ tục tố tụng HS: Đ8/ K3:.....	35
2.	Thủ tục phá sản và thủ tục giải quyết tranh chấp KT:	35
3.	Thủ tục phá sản và thủ tục thi hành án dân sự:	35
VII.	Thủ tục áp dụng với chủ thể lâm vào tình trạng phá sản:.....	36
1.	Thủ tục thu hồi ĐKKD : (Đ68, 71, 72).....	36
1.1.	Xây dựng phương án phục hồi: Đ68, Đ80	36
1.2.	Xem xét phương án:.....	36
2.	Thủ tục thanh lý tài sản: (Đ78, Đ79, Đ80).....	36
2.1.	Các trường hợp thanh lý tài sản:	36
2.2.	Thứ tự ưu tiên thanh toán: Đ34, Đ35, Đ37	36
2.3.	Đình chỉ thanh lý: Đ85.....	36
3.	Thủ tục tuyên bố phá sản:	36
3.1.	Điều kiện tuyên bố phá sản: Đ86, Đ87	36
3.2.	Hậu quả của tuyên bố phá sản:.....	37
3.3.	Chủ DNTN và tv hợp danh: Đ90:.....	37
4.	Các biện pháp bảo toàn TS của chủ thể lâm vào tình trạng phá sản:.....	37
4.1.	Tuyên bố vô hiệu đối với 1 số giao dịch nhằm mục đích tẩu tán TS: (Đ43, Đ44)	37
4.2.	Đ31: Các biện pháp ngăn chặn : Đ31/ K1	37
4.3.	Đình chỉ thực hiện hợp đồng đang có hiệu lực: Đ45, Đ46, Đ47	37
VIII.	Địa vị pháp lý của các bên tham gia thủ tục phá sản:	37